TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2020
V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, ông Lê Văn Cư.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân thành phố HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 603/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1985.

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã A(nay là A1), TP. HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đào Hải Q1**, sinh n¨m 1984.

ĐKHKTT và hiện cư trú tại: Thôn Đ, xã A(nay là A1), TP. HD, tỉnh Hải Dương.

Chị Q, anh Q1 đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đào Hải Q1 được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A(nay là xã A1), thành phố HD ngày 25 tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, có lần anh Q1 còn tát chị và đe dọa chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, chị về quê ở T, NS ở mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Trong suốt thời gian ly thân, anh Q1 cũng không tìm chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q1 không còn nên giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q1; Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào NA, sinh ngày 04/8/2010 và Đào

TA, sinh ngày 10/11/2014. Hiện cháu NA đang ở cùng chị, cháu TA đang ở cùng anh Q1. Sau khi ly hôn chị xin nuôi cháu NA, để anh Q1 nuôi cháu TA và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị anh Đào Hải Q1 thể hiện: Về điều kiện kết hôn thống nhất như quan điểm của chị Q. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ công việc làm ăn của anh chưa được ổn định dẫn đến chị Q có những lời lẽ không đúng mực với anh vì thế vợ chồng có cãi nhau, anh mới tát chị Q một lần do chị Q cư xử không đúng mực với anh. Khoảng tháng 7 năm 2019 vợ chồng có cãi nhau xuất phát từ công việc của anh và sống ly thân từ đó mỗi người một nơi. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Q vẫn còn nên chị Q xin ly hôn, anh không đồng ý nhưng anh cũng không còn biện pháp nào có thể hàn gắn tính cảm vợ chồng. Trường hợp chị Q cương quyết xin ly hôn thì anh chỉ có nguyện vọng được nuôi cháu TA; Về con chung: Vợ chồng có hai con thống nhất như phần trình bày của chị Q, trường hợp phải ly hôn anh xin nuôi cháu TA để chị Q nuôi cháu NA, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị Q), lời khai ông Đào Xuân Nh (bố đẻ anh Q1) xác định: Chị Q, anh Q1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên thường hay bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị Q xin ly hôn, ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Q, anh Q1 không có công sức đóng góp gì với hai bên gia đình.

Cháu Đào NA có quan điểm xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị Q, anh Q1 có mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề làm ăn phát triển kinh tế. Hiện hai người đã ly thân mỗi người ở một nơi, chính quyền địa phương đã xuống động viên nhưng không có kết quả nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Đào Hải Q1; Về con chung: Giao cháu Đào NA, sinh ngày 04/8/2010 cho chị Nguyễn Thị Q, giao cháu Đào TA cho anh Đào Hải Q1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải

cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HD giải quyết vụ án hôn nhân, hiện anh Q1 đang sinh sống tại xã A1, thành phố HD. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Q, anh Q1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Q và anh Q1 là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đào Hải Q1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A(nay là A1), thành phố HD ngày 25/12/2009. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị Q, anh Q1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và vấn đề làm ăn phát triển kinh tế. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng nhau trong cuộc sống. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q1. Tuy nhiên anh Q1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng vợ chồng. Hiện chị Q, anh Q1 đã ly thân mỗi người ở một nơi, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy hạnh phúc gia đình phải do cả hai vợ chồng cùng nhau vun đắp, xây dựng nhưng hiện nay chị Q không còn tình cảm với anh Q1, bản thân anh Q1 cũng không có biện pháp nào có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của chị Q, anh Q1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Đào Hải Q1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào NA, sinh ngày 04/8/2010 và Đào TA, sinh ngày 10/11/2014. Khi ly thân mỗi người nuôi một con, chị Q nuôi cháu NA, anh Q1 nuôi cháu TA. Cháu NA có quan điểm xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh Q1 xin được nuôi cháu TA, chị Q cũng đồng ý. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu, tránh sự xáo trộn cần giao cho chị Q tiếp tục nuôi cháu NA, anh Q1 tiếp tục nuôi cháu TA, hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh Q1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Q xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Đào Hải Q1.

- *Về con chung:* Xử giao cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Đào NA, sinh ngày 04/8/2010, anh Đào Hải Q1 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung Đào TA, sinh ngày 10/11/2014. Chị Q, anh Q1 tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007290 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD. Chị Q đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Q, anh Đào Hải Q1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố HD;
- Chi cục THADS TP. HD;
- Các đương sự;
- UBND xã A1, TP HD, tỉnh HD để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan